

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2025/DS-ST**

Ngày: 25 - 9 - 2025.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 121/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh ngày 08/6/1978 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 083178015082, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: **Bà Võ Thị Y**, sinh ngày 28/02/1977 (Có mặt)

Căn cước công dân số: 083177006884, cấp ngày 03/7/2021.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Nhật L, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: 083074002910, cấp ngày 14/8/2023.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của **ông L: Bà Võ Thị Y**, sinh ngày 28/02/1977. Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Vĩnh Long, là đại diện theo ủy quyền của ông L. (Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 5 năm 2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2025 bản tự khai ngày 31/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Tôi có chơi 1 dây hội 1.000.000 đồng do bà Võ Thị Y làm chủ hội, dây hội khởi khai ngày 30/02/2023, tôi chơi 02 phần (trong đó tôi đóng được 18 phần x 2 = 36.000.000 đồng).

Đến ngày 20/07/2024 (âm lịch) nhằm tháng 8/2024 (dương lịch) bà Võ Thị Y thông báo vỡ hội, khi đó bà đã kết nợ lại và đồng ý trả tôi với số tiền 36.000.000 đồng. Nhưng từ khi kết nợ đến nay bà vẫn chưa trả tiền cho tôi theo thỏa thuận. Trong giấy thỏa thuận mặc dù có ghi khi nào trả cho lại 6.000.000 đồng, lấy 30.000.000 đồng, nhưng nay bà Y không thực hiện theo đúng thỏa thuận, nên tôi yêu cầu trả đủ 36.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu bà Võ Thị Y cùng chồng là ông Nguyễn Nhật L phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền là: 36.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất vì nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân.

** Tại bản tự khai bị đơn bà Võ Thị Y và cũng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhật L trình bày:*

Tôi thừa nhận tôi có làm chủ hội từ năm 2001 đến tháng 8/2024 thì thông báo vỡ hội, nguyên nhân do các hội viên hốt hội rồi không đóng lại hội chết cho chủ hội, tôi choàng hội được một thời gian không khả năng choàng tiếp, nên tuyên bố vỡ hội. Khi đó, bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hội do tôi làm chủ, khởi khai ngày 30/02/2023, bà T chơi 02 phần, bà T đã đóng được 18 phần x 2 = 36.000.000 đồng.

Khi vỡ hội tôi cũng đã trao đổi với bà T và đồng ý trả bà Nguyễn Thị T số tiền hội 36.000.000 đồng theo giấy tay thỏa thuận giữa hai bên. Nên nay tôi thừa nhận còn nợ và đồng ý trả bà Nguyễn Thị T số tiền hội là 36.000.000 đồng nhưng không đồng ý để ông Nguyễn Nhật L cùng liên đới trả nợ, vì đây là nợ cá nhân tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà T khởi kiện yêu cầu bà Y và ông L có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui là 36.000.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận **nơi cư trú** đề ngày 22/4/2025, Công an xã Lộc Thuận, tỉnh Vĩnh Long xác nhận bà Võ Thị Y có đăng ký thường trú và hiện sống tại ấp Phú Mỹ, xã Lộc Thuận, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà Y và ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hui là 36.000.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy tay kết nợ hui không đề ngày, tháng, năm.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, **đều** xác định được giữa bà T với bà Y có giao dịch chơi hui với nhau vào năm 2023 và sau khi hai bên kết nợ lại thì bà Y còn nợ bà T số tiền hui là 36.000.000 đồng, vỡ hui vào tháng 8/2024.

[3.1]. Bà Y thừa nhận có giao dịch chơi hui như bà T trình bày là đúng và sau khi hai bên kết nợ lại, hiện bà Y còn nợ bà T là 36.000.000 đồng. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là “*Giấy tay kết nợ hui không đề ngày tháng năm*” **đều được bà Y** thừa nhận chữ ký trong giấy nợ hui là chữ ký của bà. Căn cứ **vào khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây **là tình tiết, sự kiện** không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[3.2]. Nay bà Y làm chủ hui nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía bà T số tiền hui mà bà đã đóng khi tuyên bố vỡ hui, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hui theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà Y trả nợ hui là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về lãi suất:

Bà T chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Nhật L có nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà Y và ông L thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2000 nên bà Y và ông L là vợ chồng hợp pháp, mặc dù hiện nay bà Y và ông L đã ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn số 132/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre nhưng nợ chung này phát sinh vào năm 2023 đến 2024 là nằm trong thời kỳ hôn nhân.

Mặt khác, mục đích bà Y làm chủ hội **để lo cho con ăn học và chi tiêu sinh hoạt chung trong gia đình**, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân.

Vì vậy, buộc ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Y là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên bà Y và ông L phải có nghĩa vụ **liên đới** chịu án phí của số tiền 36.000.000 đồng là:

$$36.000.000 \text{ đồng} \times 5\%/\text{tháng} = 1.800.000 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào **Điều 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L về việc “*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi*”.

2. Buộc bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, **bên** phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Nhật L phải có **nghĩa vụ** liên đới chịu là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

5.2. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001074 ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

